

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 09/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 25/09/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
1	27205140343	Hoàng Lê Quỳnh	An	01/09/2003	Nghệ An	30TSC9	8.7	6.3	Đạt	
2	28204937818	Nguyễn Hiền Lan	Anh	24/08/2004	Đà Nẵng	31SHT5	5.7	6.0	Đạt	
3	28206731865	Tôn Nữ Trâm	Anh	28/10/2004	Đà Nẵng	31TBN8	6.0	6.5	Đạt	
4	27202145195	Trịnh Ngọc Thảo	Anh	20/05/2003	Đắk Lắk	30TYC2	7.3	V	Không Đạt	
5	26215436118	Trương Văn Hoàng	Anh	26/09/2002	Huế	31TSC8	2.7	5.3	Không Đạt	
6	26205339258	Võ Nguyễn Yến	Biển	21/11/2002	Gia Lai	31TSC8	9.0	10.0	Đạt	
7	27203827204	Nguyễn Thị Như	Bình	26/12/2003	Thừa Thiên H	30TBN14	7.0	5.0	Đạt	
8	26205442763	Trần Thị Bảo	Châu	27/09/2002	Bình Định	31TSC8	6.3	9.0	Đạt	
9	28206506723	Trần Thị Quỳnh	Chi	29/11/2004	Đắk Nông	31TSC8	7.7	5.0	Đạt	
10	27214326931	Phan Quốc	Danh	25/11/2003	Quảng Trị	30SBN4	7.3	5.0	Đạt	
11	28206231623	Đoàn Thị Anh	Đào	03/02/2004	Quảng Nam	31TSC8	9.3	4.0	Không Đạt	
12	28204953721	Trần Thị Anh	Đào	18/02/2004	Quảng Nam	31TBN8	4.3	5.3	Không Đạt	
13	29204965650	Hoàng Thị Ngọc	Diệp	20/08/2005	Quảng Bình	31TBN8	2.7	2.9	Không Đạt	
14	28207101296	Hoàng Hồng	Diệp	04/01/2004	Cao Bằng	31TSC8	8.0	6.0	Đạt	
15	28207100186	Phan Vũ Đình	Đình	20/02/2004	Quảng Nam	31CBN3	4.7	4.0	Không Đạt	
16	30204764568	Nguyễn Thị Kim	Dung	28/10/2006	Quảng Nam	31TSC8	9.0	6.3	Đạt	
17	28206204156	Nguyễn Thùy	Dung	23/01/2004	Cà Mau	31TSC8	5.3	8.0	Đạt	
18	28204549724	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	18/01/2004	Quảng Trị	31TBN8	7.0	3.5	Không Đạt	
19	28204303629	Ngô Thị Thu	Hà	05/04/2004	Quảng Nam	31TSC8	7.0	5.0	Đạt	
20	28207102445	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	29/08/2004	Quảng Bình	31TSC8	4.7	3.4	Không Đạt	
21	29214121507	Nguyễn Văn	Hải	13/12/2004	Quảng Trị	31SHT5	6.0	1.8	Không Đạt	
22	28208003560	Lê Thị Mỹ	Hạnh	21/05/2004	Quảng Nam	31TBN8	8.7	7.3	Đạt	
23	28207150474	Trần Kiều Ngọc	Hiếu	08/12/2004	Đà Nẵng	31SHT5	9.3	7.8	Đạt	
24	24217208058	Trần Hiếu Nhật	Hoàng	15/04/2000	Đà Nẵng	30CBN9	5.3	5.5	Đạt	
25	29206846821	Nguyễn Thị	Huệ	21/04/2005	Nghệ An	31TBN8	8.0	5.3	Đạt	
26	28204853633	Nguyễn Thị Huỳnh	Hương	20/06/2004	Quảng Nam	31TBN8	7.7	5.8	Đạt	
27	28206504793	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	26/10/2004	Gia Lai	31TYC1	7.7	4.1	Không Đạt	
28	29204952140	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	04/10/2005	Hà Tĩnh	31TBN8	5.7	5.0	Đạt	
29	27212237511	Võ Thành	Khoa	16/09/2003	Quảng Nam	31SHT5	7.0	4.3	Không Đạt	
30	27211339884	Võ Huỳnh Tiêu	Khôi	21/01/2003	Quảng Ngãi	31TSC6	6.0	6.0	Đạt	
31	29206565322	Lê Thị	Lan	06/01/2005	Nghệ An	31TBN8	5.0	5.3	Đạt	
32	26205435703	Lưu Tú	Linh	08/01/2002	Lâm Đồng	31TSC8	3.0	6.8	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28206146838	Nguyễn Thị Thùy	Linh	20/09/2004	Quảng Trị	31TSC8	9.0	9.8	Đạt	
34	27202140103	Bùi Thị Kim	Ly	13/11/2003	Quảng Ngãi	30TBN2	3.0	3.9	Không Đạt	
35	28204544065	Hoàng Thị	Ly	15/05/2004	Quảng Trị	31TBN8	6.0	6.0	Đạt	
36	27202102806	Huỳnh Thị Ngọc	Mai	28/11/2003	Quảng Ngãi	30CSC6	6.3	3.1	Không Đạt	
37	28204903606	Lê Xuân	Mai	16/11/2004	Nghệ An	30CYC8	6.7	5.5	Đạt	
38	28205203437	Huỳnh Thị Trà	My	09/07/2004	Đắk Lắk	31SHT5	8.3	8.0	Đạt	
39	28216551081	Huỳnh Thị Ánh	Mỹ	30/07/2004	Đà Nẵng	31TSC8	8.0	5.8	Đạt	
40	28206354461	Nguyễn Thị Hằng	Nga	26/12/2004	Quảng Bình	31SHT5	8.7	6.5	Đạt	
41	28204900448	Nguyễn Thiên	Ngân	20/10/2004	Đà Nẵng	31SHT5	6.3	5.0	Đạt	
42	26208638587	Phan Tịnh	Nghi	10/07/2002	Gia Lai	31SBN2	7.7	5.5	Đạt	
43	27215432714	Nguyễn Bích	Ngọc	14/03/2003	Hà Nội	31TBN8	8.7	9.0	Đạt	
44	29216565324	Lê Văn	Nhật	03/10/2005	Nghệ An	31TBN8	7.7	5.5	Đạt	
45	26205330255	Nguyễn Thị Kim	Nhi	25/06/2002	Phú Yên	31TSC8	10.0	9.5	Đạt	
46	29204660650	Nguyễn Thị Mỹ	Nhi	11/05/2005	Bình Định	31TBN8	6.3	7.6	Đạt	
47	28204853942	Nguyễn Thị Yến	Nhi	06/02/2004	Quảng Nam	31TBN8	4.3	4.3	Không Đạt	
48	29204621005	Phạm Trần Yến	Nhi	02/11/2005	Bình Định	31TBN8	9.0	6.0	Đạt	
49	28206501031	Tạ Thị Yến	Nhi	05/10/2004	Quảng Trị	31TBN8	2.7	5.0	Không Đạt	
50	28204131271	Lê Phạm Quỳnh	Như	15/09/2004	Quảng Ngãi	31THT6	5.3	4.0	Không Đạt	
51	27203328402	Lê Thị Quỳnh	Như	18/11/2003	Quảng Nam	30THT9	6.7	6.0	Đạt	
52	27202140680	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	28/09/2003	Quảng Trị	30TSC12	8.3	5.0	Đạt	
53	28206501837	Trà Thị Quỳnh	Như	09/10/2003	Quảng Nam	31TBN8	7.3	5.8	Đạt	
54	28207100605	Lê Nguyễn Hồng	Nhung	08/07/2004	Quảng Ngãi	31CBN3	7.0	3.8	Không Đạt	
55	28206246767	Thân Thị Tuyết	Ni	06/02/2004	Đắk Nông	30TYC9	8.7	9.8	Đạt	
56	29205124750	Lê Thị An	Phú	16/09/2005	Kon Tum	31TBN8	8.7	7.8	Đạt	
57	27211303112	Nguyễn Thành	Phú	09/01/2003	Bình Định	31TSC3	3.7	6.5	Không Đạt	
58	28214151604	Nguyễn Tấn	Phúc	19/08/2004	Quảng Nam	31TSC8	8.0	9.5	Đạt	
59	28208004386	Trần Thị	Phúc	10/09/2004	Quảng Nam	31SHT5	10.0	8.5	Đạt	
60	25211101706	Phạm Đăng	Quang	08/12/2001	Quảng Ngãi	30CHT3	4.0	5.0	Không Đạt	
61	28214306108	Hồ Tá	Quý	20/06/2004	Đắk Lắk	31TBN8	7.3	6.3	Đạt	
62	29204361320	Võ Thị Ánh	Quyên	27/08/2005	Quảng Nam	31SHT5	8.3	8.0	Đạt	
63	29204951058	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	06/03/2005	Quảng Trị	31TBN8	6.0	9.0	Đạt	
64	28214905675	Quách Ngọc Như	Quỳnh	14/02/2004	Đắk Lắk	31TBN6	5.0	7.0	Đạt	
65	28212350333	Bùi Đỗ	Sang	07/01/2004	Quảng Nam	31SBN3	7.3	6.5	Đạt	
66	29212320073	Hà Ngọc	Sang	25/03/2005	Bình Định	31SHT5	9.3	7.5	Đạt	
67	28205129941	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	17/04/2004	Đà Nẵng	31SHT5	8.0	5.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	28204605886	Trần Mạnh Phước	Tâm	23/08/2004	Quảng Trị	31SHT3	6.0	6.3	Đạt	
69	28204651737	Trần Thái	Thanh	11/05/2004	Quảng Trị	31SHT5	5.0	3.3	Không Đạt	
70	26202428041	Lê Nguyên	Thảo	15/01/2002	Quảng Nam	31TSC8	5.7	3.8	Không Đạt	
71	28204500251	Lê Phương	Thảo	15/07/2004	Quảng Trị	31TBN8	6.3	5.3	Đạt	
72	27207201331	Nguyễn Thị Phương	Thảo	26/02/2003	Thanh Hóa	30TYC13	8.0	5.0	Đạt	
73	28204601433	Phạm Thị Thu	Thảo	04/06/2004	Quảng Nam	31TSC8	8.3	9.3	Đạt	
74	27207137064	Văn Thị Thanh	Thảo	08/11/2003	Đà Nẵng	30SHT7	7.7	6.8	Đạt	
75	27212125291	Hồ Thanh	Thịnh	17/06/2003	Quảng Nam	31TSC8	V	V	Không Đạt	
76	28204902898	Lê Nữ Thiên	Thư	05/08/2004	Quảng Nam	30CYC8	6.3	5.3	Đạt	
77	28204604096	Trần Thị Minh	Thư	16/05/2003	Quảng Nam	31TSC8	8.7	6.0	Đạt	
78	29214659855	Lê	Thuận	26/12/2005	Đà Nẵng	31TBN8	5.0	7.0	Đạt	
79	28204123002	Văn Thị Hoài	Thương	12/10/2004	Bình Định	31TSC8	5.0	6.5	Đạt	
80	29204965812	Nguyễn Thị Thanh	Trà	24/09/2004	Quảng Bình	31TSC8	9.3	6.5	Đạt	
81	26206627830	Nguyễn Thị Bích	Trâm	04/06/2002	Đắk Lắk	31TSC8	2.0	2.0	Không Đạt	
82	26202134488	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	01/12/2002	Quảng Ngãi	29TSC5	8.3	5.8	Đạt	
83	29204623668	Phạm Huyền Bảo	Trâm	22/09/2005	Đà Nẵng	31SHT5	4.7	3.3	Không Đạt	
84	28206247220	Nguyễn Thị Kiều	Trân	02/10/2004	Gia Lai	31SHT5	9.3	5.5	Đạt	
85	29206845415	Nguyễn Thị	Trang	07/10/2005	Nghệ An	31TBN8	6.7	4.3	Không Đạt	
86	28206101518	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/09/2004	Kon Tum	31SHT5	6.0	5.0	Đạt	
87	28207206212	Nguyễn Thị Phương	Trang	07/05/2004	Quảng Nam	31SYC3	8.0	7.0	Đạt	
88	26205442064	Nguyễn Thị Thùy	Trang	08/03/2002	Quảng Ngãi	31TSC8	7.0	7.0	Đạt	
89	26205235285	Nguyễn Thị Hồng	Trinh	15/04/2002	Quảng Nam	31TSC8	7.0	6.3	Đạt	
90	27212943841	Lê Nguyễn Phi	Trường	12/05/2003	Quảng Nam	31TSC8	V	V	Không Đạt	
91	27213138418	Nguyễn Đắc	Tuấn	08/05/2002	Quảng Nam	31SHT5	6.0	6.8	Đạt	
92	27218138678	Phạm Anh	Tuấn	09/10/2003	Quảng Bình	30THT3	3.3	6.8	Không Đạt	
93	27207124833	Nguyễn Lê Tường	Vy	28/09/2003	Vĩnh Long	31TBN1	5.7	5.0	Đạt	
94	29204863992	Nguyễn Thị Phương	Vy	08/07/2005	Quảng Nam	31TBN8	9.3	6.6	Đạt	
95	27207235060	Nguyễn Thị Tường	Vy	08/07/2003	Quảng Nam	31SSC1	6.0	7.5	Đạt	
96	27205101772	Phạm Thị Tường	Vy	09/04/2003	Đà Nẵng	30CYC7	7.7	5.0	Đạt	
97	29204658562	Trần Lê Như	Ý	20/01/2005	Quảng Ngãi	31TBN8	6.0	6.8	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh